T010 BD 1 (14) 154 Sinh Q3

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

PHẬT NÓI KINH SINH QUYỂN 3

Kinh 22: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tổng Trì.

Tôi nghe như vầy: Một thời, lúc Đức Phật mới thành đạo, Ngài du hóa ở nước Ma-kiệt, trụ chốn pháp nhàn, nơi gốc cây Bồ-đề, cùng với hàng vạn vị Bồ-tát, tất cả đều đã đạt được mọi thành tựu. Như Bồ-tát Phổ Hiền, hành nơi vô nguyện, giải thoát rốt ráo và các vị Bồ-tát như: Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Hành Tạng, Bồ-tát Diệu Diệu, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Lực Sĩ Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Bồ-tát Điều Định Tạng, đại thể có tới một vạn vị Bồ-tát như thế, cùng với số lượng chúng Bồ-tát vô kể nơi một thế giới của chư Phật trong cõi Tam thiên đại thiên, mỗi vị từ cõi Phật khác cùng đến họp mặt nơi chúng hội này. Tới nơi, chư vị đều hóa ra tòa ngồi sư tử, cung kính đảnh lễ Phật xong, thì an tọa nơi tòa sư tử phía trước Đức Phật. Bấy giờ, các vị Đại sĩ Bồ-tát ấy, không còn phân biệt tôi-ta, thảy đều thanh tịnh không chút cáu bẩn, đều suy nghĩ: “Do nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn gì mà chư Phật, Thế Tôn có được cảnh giới không thể nêu bày lượng tính hết được? Do từ cái sở nguyện gốc của chư Phật, Thế Tôn mà có được những sự thù thắng đặc biệt như thế chăng? Do nhân duyên gì mà chư Phật Như Lai đạt được sự cảm ứng như vậy? Sao gọi đó là việc làm không thể nghĩ bàn, hành động không hề bị ngăn ngại? Làm sao mà Đức Thế Tôn đã dứt sạch mọi niệm, tưởng, đạt được những sự việc đặc thù ấy?” Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết các vị Bồ-tát trong lòng đang có những suy nghĩ: Các vị Bồ-tát đang an tọa, chư Phật không có nơi chốn mà luôn thường trụ, các vị ấy muốn hỏi Đức Như Lai về tất cả sự sáng suốt của uy thần của chư Phật và về đức của uy thần ấy luôn tinh tấn không gì vượt hơn được, nhờ đó mà tất cả đã thành tựu, đã hội nhập vào được các pháp Tổng trì của chư Phật, là nẻo giác ngộ rộng lớn của bậc Thánh, tất cả chốn hội nhập ấy là đặc biệt thù thắng như vậy, không chỗ nào bị ngăn ngại, nẻo hội nhập của thân cũng đều như thế. Những người thân cận với chư Phật, từ bỏ các lỗi lầm, theo đúng giáo pháp chư Phật mà không chấp vào những gì đã đạt được thì thường được yên ổn. Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Tạng chứng nhập vào các pháp mà tâm hướng tới không còn những thứ ngăn ngại, chỗ nghĩ về các pháp môn không còn chút ngăn che, hạnh của các vị Bồ-tát là hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, đó là sự tập hợp đầy đủ các hạnh nguyện. Nếu an trụ một cách thích hợp nơi đó thì chứng nhập được giáo pháp của chư Phật, thấy được Phật trong mười phương, phát khởi tâm đại bi, cứu độ chúng sinh đến cùng, dắt dẫn họ dứt bỏ hết các đường ác. Tất cả các vị Bồ-tát nhờ pháp Định, Tam-muội, mà thấy rõ cõi gốc của mình, nhờ vào trí tuệ của chư Phật mà phát hạnh nguyện đến vô cùng, chúng sinh không ai là không quy phục. Đích cuối cùng của con đường trí tuệ giác ngộ đều nhằm soi tỏ các pháp Tổng trì để phân biệt các nẻo giải thoát trong kho tàng hoa sen vi diệu. Các vị Bồ-tát ấy đã vâng theo Thánh chỉ của Đức Phật, mỗi người tự nêu bày: –Chư Phật đã nghe thấu hết, hạnh nguyện của chư Phật Thế Tôn thật là không thể

lường hết, biến hóa thật vĩ đại, tùy theo bản tướng của các Ngài, thông tỏ các pháp, biết hết tất cả, chư Phật thật là siêu việt, kỳ lạ, không gì có thể che khuất được. Chư Phật Thế Tôn trùm khắp pháp giới, hội nhập trong pháp giới của các cõi Phật, có hay không có xứ sở, không một chỗ nào bị ngăn ngại. Những gì là mười? Chẳng hạn như Đức Thích-ca tại cung trời Đâu-thuật, thị hiện thọ mạng sau cùng của mình, bỗng nhiên biến mất khỏi cảnh giới ấy, không gì ngăn cản hay chế ngự được, cũng không biết ở nơi chốn nào, đã vào thai mẹ, đủ mười tháng sinh ra, rồi bỏ gia đình mà vui vẻ ra đi tìm đạo, lòng an vui tự tại, đến ngồi bên gốc cây Bồ-đề, tu thành Phật và tích lũy tất cả giáo pháp của chư Phật, chỉ trong khoảnh khắc, Ngài đã thị hiện khắp các cõi Phật, tạo ra sự cảm ứng thể hiện qua các điềm lành, thường chuyển pháp luân, vun trồng và phát huy gốc của công đức, phân biệt theo căn cơ mà giảng giải cho chúng sinh, nên gặp được lúc có Phật thì đủ điều kiện để thành Bồ-tát, chính là do đạo pháp mà thành tựu. Chư Phật Thế Tôn luôn an trụ trong diệu lý "Vô sở trụ", thường ở nơi trí tuệ mà kiến lập nên. Đã là Phật tử, thì không vướng mắc vào xứ sở, nơi chốn, phải thấu đạt diệu lý vô sở trụ. Lại nữa, với Phật tử, các Đức Phật, Thế Tôn có mười điều nêu dạy. Mười điều đó là: - Giáo hóa tất cả chúng sinh, nhằm đưa họ đến bờ giải thoát. - Giải trừ hết tất cả những pháp không có trí tuệ. - Hằng tu tập theo hạnh đại bi. - Có được mười thứ diệu lực. - Chuyển bánh xe pháp khắp nơi chốn để giáo hóa mọi người. - Điều phục, dẫn dắt chúng sinh để đạt được giác ngộ bình đẳng. - Khai mở, chỉ dẫn cho muôn loài khiến đạt được diệu lý "Không chốn trụ". - Ở đó, tự quay về nương tựa theo nẻo "Vô hành" đối với tướng pháp. - Đạt được cảnh giới tịch tĩnh, an nhiên. - Đạt được đạo quả rồi thì quyết giáo hóa cho mọi người khác cũng đạt đến giác ngộ, giải thoát. Đó là mười điều. Lại nữa, Đức Phật còn có mười việc mau gặp Đức Như Lai. Mười việc đó là: Vừa gặp chư Phật thì những chúng sinh ấy liền: - Bỏ hết tất cả các nơi chốn hướng về trước đây của mình, chỉ giữ lấy lời dạy trọng yếu của chư Phật. - Mau chóng có được phước đức cùng quyến thuộc. - Chóng thọ lãnh được cái gốc của mọi đức hạnh. - Liền được thanh tịnh, không còn những thua kém, thiếu thốn, dứt hết các hồ nghi. Vừa gặp được Chư Phật thì tất cả những chúng sinh ấy: - Được chỉ dẫn con đường đi đến Đại thừa. - Khiến dứt hết mọi nẻo sợ hãi. - Liền được thành tựu pháp "Bất thoái chuyển". - Phân biệt, nhận rõ căn nguyên của chúng sinh để khai thị, độ thoát cho. - Giáo hóa khắp thế gian, làm thanh tịnh các căn của chúng sinh. Vừa gặp được chư Phật Thế Tôn thì mọi chúng sinh liền dứt hết bao thứ che phủ, ngăn ngại. Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị Bồ-tát nghe kinh thảy đều vui mừng lãnh hội.

Kinh 23: Đức Phật Thuyết Giảng Về Thích Tử Sở Hân.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, Sở Hân, con cháu dòng họ Thích (Sở Hân Thích tử) nhiều lần lui tới đây, ra vào không giờ giấc, dựa vào chỗ là đến với họ hàng, nên việc đến, đi của ông thật không thể tính kể, khi thì sáng sớm, lúc thì tối trời, hoặc sớm đến, tối đi. Lúc ấy, các Hiền giả A-nan, Ưu-đà, Bạc-câu-lô... hội họp lại một nơi, gọi ông Thích tử Sở Hân đến bảo: –Này Hiền

giả, sao ông hay đi lại không giờ giấc gì cả thế? Sao ông đến đây, vào ra không theo đúng giờ giấc, đáng ra thì ông phải biết tự điều tiết số lượng đi lại ấy chứ? Ông Thích tử Sở Hân liền tuông ra những lời thô tục, mắng chửi các vị Hiền giả: –Các ông là những kẻ vô trí, chỉ biết vọng động quấy rối, không thể tự an, hô hoán ác khẩu. Các ông là hạng lười nhác, chẳng làm gì cho chúng Tăng được hưng thịnh. Ta nay ra vào, thường vì chúng Tăng nghiêm túc bàn luận về những việc phải, các ông không cho đó là công lao ư? Cái chính là vì chúng Tăng có chỗ cần biện luận, chớ nên gọi ta là kẻ hay lý sự. Các Hiền giả nhiều chuyện, tỏ ra quá đáng đối với cá nhân ta, Thích tử Sở Hân này. Vả lại, các ông có chỗ muốn cùng biện luận, thế các ông có biết ta đã biện luận về việc của chúng Tăng ra sao không? Khi ấy, các vị Tỳ-kheo cùng suy nghĩ: "Ba vị kia thì lời nói dịu dàng, mềm mỏng, uy đức hơn người, dựa vào gốc của phước đức mà thực hiện, nên chỗ đạt đến được rất nhiều, vượt hẳn người kia. Còn Thích tử Sở Hân chỉ là một gã nam tử ngu độn, liều mạng, ngớ ngẩn tự đề cao mình, chỗ mong cầu có vẻ quá đáng nhưng không được như ý muốn." Vào một ngày khác, Thích tử Sở Hân đến nhà một ông Trưởng giả, được cúng dường một bữa trưa hết sức thịnh soạn. Hiền giả A-nan đến nơi ấy sau nên đã tới nhà ông Trưởng giả khác, dùng lời nói dịu dàng để nêu bày về sự bền chắc của công đức vun trồng từ kiếp trước, lại vì họ mà thuyết giảng kinh pháp, khiến cho mọi người trong gia đình ấy hết sức hoan hỷ. Từ đấy, đi khất thực đến đó, Hiền giả A-nan luôn được cúng dường nhiều, họ tự nguyện bố thí không chút phô trương hay mong cầu gì. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo đem đầu đuôi câu chuyện này thưa rõ với Đức Phật. Đức Phật nói với các vị ấy: –Đối với bốn người ấy, chẳng phải chỉ đời này mới xảy ra chuyện tranh nhau trong việc khất thực, ở đấy, chỉ có một người được cúng dường ít, còn những người còn lại thì được cúng dường nhiều hơn. Tỳ-kheo A-nan luôn được mọi người khuyến trợ nên thảy đều được yên ổn. Đức Phật kể: –Về thời xa xưa đã lâu lắm, ở vùng đất lạ kia, có bốn người rất thân thiết, cùng nhau chung sống một chỗ. Khi ấy, có người thợ săn, bắt được một con nai, muốn đem vào thành để bán. Bốn người này thấy sự việc ấy, liền bàn với nhau: "Chúng ta nên tìm cách đi theo người thợ săn kia để mong có được thịt nai! Thử xem ai sẽ kiếm được nhiều nhất!" Bàn xong thì bốn người cùng xuất phát ra đi. Lời hỏi xin của người thứ nhất thật thô lỗ mà còn cao ngạo: –Ê! Người đàn ông kia, hãy cho ta thịt nai ấy đi, ta muốn ăn đấy! Người thứ hai nói: –Thưa anh, cho xin một ít thịt, em muốn thưởng thức món thịt đó.

Người thứ ba thưa:

–Vị nhân đức đáng kính, có thể cho bớt tôi một ít thịt ấy, tôi vốn rất thích.

Người thứ tư nói:

–Thưa vị thân thiết, nhân hậu, có thể bỏ bớt đi một ít thịt! Xin thông cảm mà bố thí cho, tôi muốn được ăn lắm vì cả bọn tôi đều đói khát!

Lúc ấy, người thợ săn xét lời nói của bốn người, rồi tùy theo lời của từng người mà dùng kệ đáp lại. Kệ đáp người thứ nhất như sau:

Lời người rất thô lỗ

Thịt nào lại cho ngươi

Nói xin như ra lệnh

Cho ngươi cái sừng thôi.
Ông lại dùng kệ đáp người thứ hai:
Người này thì hay lắm
Gọi ta là huynh đài
Lời kia như thủ túc
Sẵn ta cho một đùi.
Ông cũng dùng bài kệ đáp người thứ ba:
Đem ái kính cho ta
Lòng từ bi bao la
Lời nói như tâm phúc
Lấy tim gan làm quà.
Ông lại dùng kệ đáp người thứ tư:
Lấy ta làm thân thích
Thân kia được hòa đồng
Lời ấy hợp ý lắm
Lấy hết thịt cho ông.
Thế rồi người thợ săn, tùy theo ngôn từ của từng người, hoặc thô vụng, hoặc tế nhị mà cho họ các phần thịt. Khi ấy, có vị trời khen ngợi:
Ngôn từ của nam tử
Dịu ngọt quy về thân
Chớ nói lời thô lỗ
Lợi hại chẳng rời thân.
Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:
–Người thứ nhất với ngôn từ thô lỗ ấy nay là ông Thích tử Sở Hân, người thứ hai nay là ông Bạt-đà-hòa-lê, người thứ ba nay là ông Hắc-ưu-đà, người thứ tư chính là ông A-nan, còn vị trời nói bài kệ đó chính là bản thân Ta. Ngày trước đã gặp nhau, đến nay cũng như thế.
Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

Kinh 24: Đức Phật Thuyết Giảng Chuyện Vị Quốc Vương Và Năm Người Con.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo tôn trưởng, mỗi người đều tự bày tỏ những ý nghĩ từ lòng mình. Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả A-na-luật, Hiền giả A-nan, Hiền giả Du Luân và chúng đệ tử năm trăm người đã cùng một lúc lìa bỏ gia đình để học đạo, dứt mọi nẻo tham muốn, chí quyết không màng sự giàu sang ở đời, thảy đều làm Sa-môn. Lúc ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất tán thán:
–Trí tuệ được xem là bậc nhất hơn hết, nhờ đó dứt trừ mọi hồ nghi, hòa giải mọi sự tranh giành, xâu xé, phân biệt rõ được đạo nghĩa, không có chỗ nào là không thông đạt,

cũng như trong chỗ tối tăm có được cây đuốc sáng soi tỏ khắp chốn. Hiền giả A-na-luật tán thán: –Tay nghề khéo léo chính là người thợ giỏi đối với mọi người, nhờ đó đã đem lại sự thành tựu ở nhiều lãnh vực, thể hiện được biết bao là kỹ thuật tinh xảo, khiến mọi người đều thích thú, cho nên công xảo là hơn hết. Đến lượt Hiền giả A-nan tán thán về cái dáng vẻ đoan chánh bậc nhất: –Dung nhan tươi đẹp hơn hết khiến ai thấy cũng đều hân hoan, được mọi người quý trọng, tất cả đều tôn kính như là Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt. Còn đây là ý kiến của Hiền giả Du Luận: –Luôn chuyên cần tu tập, chưa từng biếng trễ, đức tinh tấn ấy thật đáng ca ngợi, trong thế gian không ai sánh kịp. Nhờ đó lại có thể đi vào trong biển cả, thành tựu được rất nhiều việc lớn. Như Đức Như Lai Thế Tôn, đã thị hiện sinh vào dòng họ Thích, rồi bỏ đất nước, ngai vàng dốc chí tu tập, thành tựu đạo quả Phật, đoan nghiêm không gì sánh, hình tướng, sắc diện là bậc nhất như mặt trăng trong đám tinh tú, tươi sáng còn hơn cả mặt trời, thân cao một trượng sáu, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tiếng nói vang tỏa khắp tám bộ chúng, nói ra hàng vạn ức âm thanh để giảng thuyết kinh pháp cho các loài trời, rồng, quỷ, thần, người, vật... đều được khai thị, thông tỏ, đều đạt được sở nguyện của mình. Những anh em con chú bác của Đức Phật, tuy mỗi người có tiếng tăm uy tín riêng, nhưng đều quy mạng Đức Phật, xin làm đệ tử của Ngài, công đức của Đức Phật thật không thể nêu bày, xưng tụng hết được. Từ vô số trăm ngàn vạn ức kiếp, Ngài đã tích lũy công đúc, tự tu tập để chứng được quả Phật, rồi vì tất cả mọi người, mà chỉ ra con đường chân chánh. Tất cả các vị trong chúng hội cùng nhau đến thẳng chỗ Đức Phật, hỏi rõ về nguồn gốc việc này: –Bạch Thế Tôn, ai là người được xem là bậc nhất. Chúng con đã tụ hội lại và mỗi người đã tự nói lên cái sở trường của mình, mong Ngài minh xét. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Những người ấy chẳng phải chỉ mới đời này tự xưng tán về cái danh dự bậc nhất vô song của bản thân mình, mà đời trước cũng thế. Chỗ quy về của các đời nơi họ thảy đều thuận phục nơi Ta, hết lòng tôn quý Ta. Vì sao như vậy? Về thời quá khứ xa xưa, có một vị quốc vương tên là Đại Thuyền, cõi nước rộng lớn, đất đai mầu mỡ, dân chúng no đủ, các vị đại thần cũng như bá quan đều hết lòng giúp nước. Nhà vua có năm người con: Người thứ nhất có trí tuệ, người thứ hai có tài khéo léo, người thứ ba rất đoan chánh, người thứ tư rất tinh tấn, còn người thứ năm thì đầy đủ phước đức. Mỗi người con đều tự ca ngợi về chỗ sở trường của mình. Người con có trí tuệ, ca ngợi cái trí tuệ bậc nhất trong thiên hạ ấy bằng bài kệ: Trí tuệ là hàng đầu

Hồ nghi giải quyết mau
Phân rõ được nghĩa khó
Giải mọi oán kết lâu.
Hãy dùng quyền phương tiện
Giúp người hiểu được nhau
Mọi người đều hoan hỷ
Cùng ca ngợi ân sâu.
Người con thứ hai ca ngợi tài khéo của mình bằng bài kệ:
Kỹ thuật từ khéo tay

Nhiều việc thành tựu ngay
Máy móc làm người gỗ
Như người thật không sai.
Cử động co duỗi được
Người xem thấy khen hay
Được thưởng ngần ấy báu
Tài đó chính nhờ đây!
Người con thứ ba ca ngợi về sự đoan chánh của mình bằng bài kệ:
Đoan chánh bậc nhất rồi
Sắc hình cũng hơn thôi
Mọi người xem diện mạo
Người gần, kẻ xa xôi.
Đều biết đến tôn kính
Ân cần việc mọi người
Họ thờ như thờ Phật
Vắng mây, rạng mặt trời.
Người con thứ tư ca ngợi sự tinh tấn của mình bằng bài kệ:
Tinh tấn lấy làm đầu
Tinh tấn vào biển sâu
Hay vượt các hoạn nạn
Của báu được rất nhiều.
Lắm tài và dũng mãnh
Do đó, ngại gì đâu
Nghiệp nhà đều nên cả
Bà con mừng kính yêu.
Người con thứ năm ca ngợi về phước đức của mình bằng bài kệ:
Phước đức là tối cao
An nhiên tự tại vào
Giàu sang không bờ vực
Đời đời phước đức gieo.
Phước được làm Đế Thích
Luân vương, Phạm thiên cao
Nếu được thành Phật đạo
Làm Pháp vương đạo mầu.
Mỗi người đã tự nói lên cái sở trường của mình, ai cũng tự cho tài của mình là số một, không có thể quyết đoán được vì không ai chịu phục ai, rồi quay ra nói với nhau:
–Chúng ta mỗi người phải tự thi thố tài đức của mình, thể hiện rõ tướng thật của kẻ trượng phu bằng cách viễn du đến các nước, tới những nước khác ấy thì mới biết được cái thù thắng đặc biệt của ai là hạng nhất. Bấy giờ, người con có trí tuệ vào được đất

nước khác rồi, ông tìm hỏi về dân chúng nước đó lành dữ thế nào, lương thực nhiều ít, sang hèn, giàu có hay nghèo cùng. Ông lại nghe trong nước ấy có hai ông trưởng giả giàu có không ai bì kịp, trước thì rất thân thiết nhau, sau lại bất hòa, bị mọi người đâm thọc xúi bậy, họ lại càng chống đối nhau, trở thành oán thù chất chứa nhiều năm, không thể hòa giải được. Người con có trí tuệ kia liền bày ra một phương sách khéo léo, mang hàng trăm thức ăn ngon lành đến thẳng nhà ông trưởng giả, yêu cầu gặp mặt để dâng tặng. Ông trưởng giả liền ra gặp, người con có trí tuệ bèn dâng hết thức ăn ngon lành đã mang theo cho ông trưởng giả, rồi đem chuyện đã nghe được về ông trưởng giả ấy, từ tốn hỏi han: –Việc trước kia hai bên mất lòng nhau là do không kịp suy nghĩ, bị kẻ khác đâm thọc nên kết thành oán thù lâu năm, không được gặp gỡ, nói chuyện với nhau, nghĩ rằng đối mặt hầu chuyện là rất khó khăn, cho nên chủ tôi sai tôi mang mấy món ăn uống đến để biếu tặng, xin đại nhân nhận cho, chớ nên quở trách, đây cũng không phải là oán thù truyền đời của cha mẹ, nên chủ tôi sai tôi đến để tỏ rõ ý nhau. Vị trưởng giả này nghe xong tỏ ra hân hoan, vồn vã: –Tôi rất muốn hòa giải từ lâu rồi, chỉ tại không có người thân cả hai bên để bày tỏ ý nhau, nay lại tin tôi, khiêm tốn giải bày, thành ý này thật ngoài chỗ mong ước. Tôi xin đón nhận ý nhân hậu ấy và xin thuận theo điều đã nêu bày, chẳng dám trái mạng. Người con có trí tuệ đã giải hết mọi nghi ngờ của ông trưởng giả, xong thì từ tạ ra về. Tìm đến nhà ông trưởng giả thứ hai, cũng lại như vậy, người con có trí tuệ ấy giải bày mọi ý nghĩ như đã nêu rõ với ông trưởng giả trước. Xong rồi, hẹn thời gian và nơi chốn để cả hai gặp gỡ. Lúc ấy, dân chúng tụ họp đông đảo để tham dự việc hòa giải oán cừu, cùng lúc tổ chức nào yến tiệc, nào ca hát tưng bừng, cùng nhau vui vẻ, hai bên hỏi nhau gốc ngọn về ý kiến hòa giải này, mới hay là do người kia khéo bày đặt ra để hòa giải oán thù cũ, kết thân họ lại như xưa. Mỗi người tự nghĩ: “Ta làm mất lòng nhau đã lâu, người trong một nước mà không hòa giải nổi, nay người này từ xa đến đã làm được công việc khó khăn ấy, ân đức này khó mà lường hết, không có lời nào diễn tả trọn vẹn được!” Rồi mỗi người xuất ra trăm ngàn lượng vàng để dâng tặng cho người đã làm công việc hòa giải. Anh ta liền mang của báu ấy về cho anh em, dùng lời kệ khen: Có đầy đủ ngôn từ Biện giải thành kinh điển Bậc Chánh sĩ biết rộng Rốt ráo được an ổn. Xem ta dùng trí tuệ Đạt được báu dường này Ăn mặc tự đầy đủ Bố thí rồi còn dư. Lúc đó, người con thứ hai có tài khéo léo đi đến nước khác, gặp khi quốc vương xứ ấy ham thích các kỹ thuật, anh ta liền lấy gỗ tốt chế tạo một người máy bằng gỗ, hình dạng đoan chánh không khác gì người sống, y phục, dung mạo, trí tuệ không gì so sánh được, có thể làm các việc ca múa, cử động như con người thật. Anh ta có lời ca rằng: “Con trai ta

sống đã ngần ấy năm, trong nước thảy cung kính, nhiều nơi đều mang quà tặng cho”. Quốc vương nghe được, ra lệnh cho anh ta biểu diễn tài nghệ của mình. Nhà vua cùng phu nhân lên lầu cao ngồi xem cuộc biểu diễn ấy. Người con thứ hai này đã cho người gỗ do mình tạo ra diễn đủ các mục, ngần ấy động tác còn hơn cả người sống, vua và phu nhân hoan hỷ vô cùng. Nhân đấy anh chàng người gỗ máy bèn nháy mắt đắm nhìn nhan sắc của phu nhân, nhà vua từ xa trông thấy, lòng rất phẫn nộ, liền ra lệnh cho người hầu: –Chém đầu hắn mang lại cho ta. Tại sao hắn dám nháy mắt nhìn phu nhân của ta, rõ ràng là có ý xấu, không còn nghi ngờ gì nữa! Người cha của hắn khóc

kể, nước mắt chảy ròng ròng, quỳ dài cầu xin: –Con chỉ có một đứa con trai, nên rất thương yêu quý mến nó, ngồi đứng, tới lui nhờ nó mà khuây khỏa buồn lo, vì dại dột chẳng kịp nghĩ nên có thất thố với nhà vua, nếu đại vương giết nó thì xin cho con cùng chết, xin hãy thương xót, con biết đây là tội đáng chết. Gặp nhà vua rất giận nên chẳng chịu nghe. Anh ta lại thưa với vua: –Như đại vương chẳng chịu tha cho thì con xin tự tay mình giết nó khỏi phải sai người khác. Nhà vua liền đồng ý. Anh ta liền chém sả một bên vai, máy móc bung ra rơi rớt lung tung xuống đất. Nhà vua mới kinh ngạc nói: –Sao bản thân ta lại đi giận dữ với cây gỗ? Người này thật là xảo diệu, thiên hạ vô song, chế tạo được người với những ba trăm sáu mươi chi tiết, hơn cả người sống thật! Thế là nhà vua liền ban thưởng hàng ức vạn lượng vàng. Người con thứ hai mang vàng về cho anh em để tiêu dùng, làm bài kệ khen: Xem nghề khéo của ta Thành tựu nhiều lắm đa! Làm người sống bằng gỗ Người sống chẳng vượt qua. Người lớn rất hoan hỷ Ngắm nó đàn, múa ca Được thưởng nhiều châu báu Ai bậc nhất bằng ta? Người con thứ ba là người đoan chánh đi đến nước khác. Dân chúng nghe có người đoan chánh từ xa lại, sắc diện hình tướng vào hạng bậc nhất, thế gian ít có, nên họ cùng nhau kéo tới để nghinh đón, dâng tặng bao thứ của ngon vật lạ cùng ngọc ngà châu báu. Anh này bèn trổ tài khiến mọi người càng thêm vui thích, càng chiêm ngưỡng cái nhan sắc như vầng trăng trong muôn sao. Những người con gái của các gia đình quý phái giàu sang, vàng bạc châu báu đầy kho đã mang đến tặng biếu cho anh vô số ức các vật báu châu ngọc kỳ lạ. Được của báu rồi, anh ta đem về cho anh em mình và dùng lời kệ khen: Đẹp thay sắc như hoa! Tướng đoan chánh dễ ưa Nữ nhân đều kính trọng Yên ổn mãi bên ta. Mọi người đều chiêm ngưỡng Như vầng trăng trong sao Nay được bao của báu Bố thí và tiêu pha. Người con thứ tư là người có chí tinh tấn đi dần đến nước khác, tới gần bờ một dòng

sông, trông thấy một cây chiên-đàn theo dòng nước trôi đi, anh ta liền cởi áo lao xuống nước, bơi theo chận lại, vớt lấy. Người nhà của quốc vương lúc ấy đang gấp tìm kiếm cây chiên-đàn, ông liền mang lên dâng cho vua, được thưởng hàng trăm vạn lượng vàng, cùng các thứ châu báu nhiều không thể tính kể được, bèn đem về cho anh em và dùng lời kệ khen: Tinh tấn thật tuyệt vời Dũng mãnh vào biển khơi Được nhiều của quý giá Cung cấp cho gia tộc. Nhờ nổi trên sông nước Vớt cây chiên-đàn trôi Được vàng hàng ngàn lượng Ăn tiêu và cho người. Người con thứ năm là người nhiều phước đức, cũng đi đến một nước lớn, gặp lúc trời nóng bức, anh ta nằm nghỉ dưới bóng cây, khi mặt trời đã nghiêng xế, các bóng cây khác đều dời chỗ, nhưng chỗ người ấy nằm thì bóng cây không dời. Người ấy rõ là thân cao lồng lộng, đoan chánh, tươi đẹp như mặt trời, mặt trăng. Vua nước đó mất, không có thái tử nối ngôi, mọi người bàn: –Phải cầu người hiền để làm chủ nước, phải cho người đi khắp nơi trong cõi để tuyển chọn người có thể lập lên làm vua. Sứ giả đi tìm, thấy nơi gốc cây có một người như thế, cho là ở đời thật hiếm có: nằm dưới gốc cây mà bóng cây không dời chỗ, lòng họ tự nghĩ: “Đây quả là một người khác thường, đáng làm vị Quốc chủ.” Những người đi tìm kiếm người hiền bèn trở về thưa với các quan đại thần, nói rõ đầu đuôi. Bấy giờ, quần thần liền chỉnh đốn oai nghi, mang theo xe ngựa, ấn tín, mũ khăn xa giá, y phục đến để nghinh đón. Tắm rửa, xông hương, mặc áo, đội mão, phục sức cho người ấy xong xuôi, tất cả

mọi người đều bái yết xưng thần. Vị vua mới lên xe vào cung, hướng mặt về phương Nam tuyên chiếu lên ngôi vua, từ đó đất nước liền được thái bình, mưa gió thuận hòa. Nhà vua tức thời ban chỉ ra ngoài triệu bốn người: một là người có trí tuệ, hai là người có tay nghề tài khéo, ba là người đoan chánh, bốn là người tinh tấn, tất cả bốn người ấy đều được mời vào trong cung, phong giữ chức thị vệ. Vị vua Phước Đức bèn làm bài kệ: Người có phước đức nhiều Làm Đế Thích cao siêu Làm vua, Chuyển luân vương Trời Phạm cũng ngự triều. Người trí và kẻ khéo Tinh tấn và mỹ miều Đều đến cửa phước đức Làm thị vệ đứng hầu. Lúc ấy, vua Phước Đức liền dựa vào ngôi cao của mình phong cho anh em mỗi người ai cũng được địa vị tốt. Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo: –Người trí tuệ thời ấy, bây giờ là ông Xá-lợi-phất, người công xảo là ông A-na-luật, người đoan chính là ông A-nan, người tinh tấn là ông Du Luân, còn vị vua Phước Đức là bản thân Ta đấy! Các ông ấy, thời đó mỗi người đều tự xưng tụng cái sở trường của mình

cho là bậc nhất, đến hôm nay thì cũng như thế. Các ông ấy thời bấy giờ đều chẳng bằng Ta, mỗi người chỉ tự ca tụng tài nghệ của mình, còn Ta thì dốc tu tập, nay đã thành Phật đạo, là bậc Tôn quý trong ba cõi, nay tất cả họ đều quy ngưỡng nơi Ta, làm đệ tử, nhờ Phật mà được giải thoát. Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 25: Đức Phật Thuyết Giảng Về Con Cáo Độc Và Con Quạ Đen.

Nghe như vầy: Một thuở Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Ông Điều-đạt là người hung hăng, nguy hiểm, hay khen ngợi những điều ngược ngạo chẳng hợp lý. Tỳ-kheo Câu-ca-lợi khen ngợi ông Điều-đạt, ông Điều-đạt cũng lại ca ngợi ông Câu-ca-lợi, hai ông này ngang ngược ca ngợi nhau, không có nghĩa lý gì cả. Các vị Tỳ-kheo nghe xong, liền thưa với Đức Thế Tôn: –Kính thưa Bậc Đại Thánh, xem ra như ông Tỳ-kheo Câu-ca-lợi do nương tựa vào giáo pháp kinh điển và giới luật để tin tưởng xuất gia làm Sa-môn, lại làm chuyện ngược đời, đi ca ngợi ông Điều-đạt, lấy trái làm phải, chẳng có nghĩa lý gì cả. Rồi ông Điều-đạt thì lại khen ngợi ông Tỳ-kheo Câu-ca-lợi, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Những hạng người ngu si ấy, chẳng phải chỉ mới đời này ngang ngược ca ngợi nhau, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái đâu, mà từ đời trước chúng cũng đã như vậy. Đức Phật kể: –Thuở quá khứ xa xưa, có người từng giữ một chức quan nhỏ, khi chết được bà con đem bỏ trong rừng cây tạp. Khi ấy, có con cáo độc và con quạ đen cùng đến ăn thịt xác chết ấy, rồi cùng nhau ca ngợi. Đậu trên cành cây, con quạ vì con cáo mà nói kệ: Thân giống như sư tử Đầu như vị Tiên nhân Chân như chân nai chúa Tinh hoa đẹp tuyệt trần. Con cáo độc liền đến bên gốc cây đọc bài kệ khen: Trên cây, vị nào đấy? Trí tuệ thật tuyệt vời Ánh sáng mười phương chiếu Sắc tía như vàng tươi. Con quạ đáp: Chính là sư tử lớn Muốn đến đây gặp thôi, Chân ấy, chân nai chúa Được lợi nghĩa, hay thay! Con cáo độc lại ca ngợi:

Biết nhau thật thành tín
Khen nhau rất thật lòng,
Cùng tía như vàng bột
Ăn mặc đây phải không?
Bấy giờ, cách đó không xa, có một vị Đại tiên sống từ lâu nơi chốn vắng vẻ, tịch tĩnh, dốc tu tập hành đạo, nghe con cáo độc và con quạ đen tán tụng nhau, lòng thầm nghĩ: "Bọn này ngang ngược, bày đặt chuyện khen ngợi nhau toàn là những lời rỗng tuếch, không một chút thành thật", nên dùng kệ nói:
Ta thường thấy nơi đây
Miệng lưỡi của chúng mày
Giấu mình trong cây cối
Ăn xác chết mỗi ngày.
Con quạ giận dữ, làm kệ đáp vị Tiên nhân:
Sư tử và Khổng tước
Cũng lấy thịt làm mồi
Bọn chúng đầu trọc hết
Muốn sống phải thế thôi.
Vị Tiên dùng kệ đáp lại:
Rừng tạp thôi vô ngần
Chim sợ đều lánh thân
Chỗ bọn nai nương tựa
Lìa xa xác huỳnh môn.
Bọn bây là hạ tiện
Tụ về đây kiếm phần
Cùng ăn xác thối rữa
Mà xưng là thượng nhân.
Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:
–Con cáo độc ngày ấy bây giờ là ông Điều-đạt, con quạ là ông Câu-ca-lợi, còn vị Tiên nhân ấy chính là Bồ-tát. Thời ấy, bọn chúng đã khen ngợi nhau, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái, nay thì cũng vậy.

Kinh 26: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Thầy Tỳ-kheo Bị Bệnh.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy, có một vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng mà chỉ một thân một mình, không có ai chăm nom hoặc lo giúp về thuốc men, quần áo, ăn uống. Ông không thể ngồi dậy được, mọi sự bài tiết hầu như tự xuất, nằm dài trên giường, quay nhìn bốn bên, chẳng thấy một ai đến gần, liền tự than thở: –Hiện giờ thân ta quả là không có ai đến cứu giúp cả! Tôn giả A-nan nghe được, liền đến bạch với Đức Phật: –Thưa Đức Đại Thánh, được như thân con hôm nay là chưa từng có. Thưa Đức Như Lai đại từ đại bi, hiện có một vị Tỳ-kheo bị bệnh

nặng, đang mong được sự cứu giúp, săn sóc. Đức Phật nói: –Nhiều đời kiếp về trước kia, Ta đã từng cứu giúp cái khổ về bệnh tật của vị Tỳ-kheo này rồi, đến hôm nay cũng vậy. Về thời quá khứ xa xưa, ở chốn thanh vắng, tịch tĩnh, có nhiều vị thần tiên đạt được năm thứ thần thông, cùng nhau tu học. Nơi chốn riêng lẻ ấy, mỗi mỗi người đều tự khuyến khích hỗ trợ lẫn nhau, ai ai cũng đem các thứ trái cây mình kiếm được để cùng cung cấp đủ cả, lại còn trù tính khi bị bệnh tật thì chăm sóc, chữa trị cho nhau. Bấy giờ, có một Phạm chí trẻ tuổi cầu học, dù có ai bị bệnh hoạn nguy cấp, cũng không thèm ngó qua. Khi người Phạm chí này có việc nguy ngập thì không có ai cứu giúp, chỉ trước sau một thân một mình, không có bè bạn. Một hôm khác, ông bị bệnh, không có người săn sóc, chạy chữa, cũng không ai cho trái cây để ăn. Lúc ấy có một vị Tiên nhân đạt năm thứ thần thông, là bậc tôn trưởng ở đấy, thấy như vậy, tự nghĩ: "Người này thật cô độc, không ai giúp đỡ cả". Cảm thấy thương xót, ngài liền đến chỗ người bị bệnh, hỏi: –Này ông Phạm chí tuổi trẻ, lúc ông khỏe mạnh, nghe ai có chuyện gì hầu như chẳng thèm thăm hỏi, vậy ông có bạn bè thân thích gì chăng? Người ấy liền đáp: –Dạ không, thưa bậc Tôn trưởng, con không có bạn bè thân thích gì cả, mà cha mẹ thân thuộc bà con thì ở cách đây xa lắm! Lại hỏi: –Các ông Phạm chí cùng chung sống ở đây, không lấy tình thân hữu kết làm tri thức với nhau sao? Đáp: –Thưa không! Vị Tôn trưởng nói: –Không tạo tình thân hữu, không có một người bạn tri thức nào cả, thế là thế nào? Ông xem những người khác, ai ai cũng đều kính trọng, ai ai cũng lo việc giúp lẫn nhau, chỉ riêng ông là lẻ loi, cô độc, không một ai cứu giúp. Rồi vị Tiên nhân đỡ người trẻ tuổi này ngồi dậy đem về chỗ ở của mình, khuyên giải ông ấy hãy yên tâm, lại nhờ những người quen biết lo liệu việc chữa trị. Vị Tiên làm bài kệ: Bỏ gia đình, vợ con Xuất gia, dục không còn

Bậc tôn túc là cha Anh em là đồng môn. Ở chung cùng Phạm chí Chẳng cùng nhau kết thân Khi bệnh tật nguy khốn Cô độc, ai đỡ đần. Xét kỹ ngươi thấy đó Phạm hạnh là bạn gần Đến đâu cũng được kính Cùng nhau thường hỏi han. Khi đó, Đức Thế Tôn đến thẳng chỗ vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng hỏi: –Nay ông bị bệnh thế đã có ai săn sóc về thuốc men, giường chiếu gì chăng? Tỳ-kheo bị bệnh thưa: –Con thật cô độc, không một ai săn sóc, cũng không có thuốc men gì cả. Gia đình con ở rất xa, mà con đã lìa bỏ cha mẹ, lại không có anh em, không bạn bè, không người láng giềng nên chẳng một ai gần gũi. Đức Thế Tôn lại hỏi: –Lúc còn khỏe mạnh, ông có hay săn sóc, thăm hỏi các người bị bệnh không? Thưa: –Dạ không! Đức Thế Tôn bảo: –Lúc khỏe mạnh, ông cũng chẳng chăm sóc, thăm hỏi những người bị bệnh, nên nay ông bị bệnh thì không một ai săn sóc lại cho ông cả! Thiện ác đối đãi nhau, tội phước luôn báo ứng, sống nên tạo ân qua lại, tình nghĩa dứt thì mọi cái đều lạt lẽo. Nhưng Phật vì cứu khổ cho tất cả chúng sinh trong ba cõi, độ thoát họ ra khỏi năm đường mà lại bỏ không cứu ông sao? Đời trước, Ta đã cứu ông, bây giờ thì cũng vậy! Rồi Đức Phật đỡ vị Tỳ-kheo ngồi dậy, tính dùng nước để rửa ráy. Lúc ấy, chỉ trong khoảnh khắc, vị Đế Thích hốt nhiên hiện xuống, muốn thay Đức Phật để rửa ráy cho vị Tỳkheo kia. Đức Phật nói với Đế Thích: –Ông ở trên cõi trời, trong chốn sạch sẽ, tinh khiết, đâu có thể làm cái việc rửa ráy giúp nơi chỗ hôi thối ô uế được? Trời Đế Thích đáp: –Nghe Đức Thế Tôn nói là vị Tỳ-kheo này vốn không hề biết chăm sóc, giúp đỡ người bệnh tật, nên nay bị bệnh thì chịu cảnh cô độc, không ai cứu

giúp. Đức Phật đã dốc cứu khổ cho tất cả chúng sinh trong mười phương, công đức đầy đủ, không chỗ thiếu thốn, mà Ngài còn chăm sóc cho vị Tỳ-kheo ấy, huống gì tôi chưa thoát khỏi vòng tội phước, mà lại không dốc làm phước sao? Rồi Phật dùng tay rửa ráy cho vị Tỳ-kheo, Đế Thích xối nước, đưa vị ấy nằm lại chỗ cũ, cho uống thuốc, bệnh giảm bớt dần, lại vì ông ấy mà giảng kinh pháp, khiến ông liền đắc đạo. Đức Thế Tôn dùng bài kệ khen: Thấy bệnh phải đến thăm Hỏi han việc nguy nan Thiện ác có báo ứng Muốn quả phải trồng nhân. Thế Tôn là từ phụ

Kinh pháp là mẹ hiền
Đồng học là huynh đệ
Nhân đó được độ liền.
Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

Kinh 27: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Ông Thẩm Lõa Hình.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, có một vị quốc vương cùng với một người nữ Phạm chí sinh được một đứa con trai, đặt tên là Chí Thành, người này theo học một phái ngoại đạo là phái lõa hình, lấy đó làm tên, gọi là Lõa Hình Tử. Ông ấy trí tuệ thông minh, có sự hiểu biết khác lạ hơn người, ở những nơi chốn thuyết giảng luôn hàng phục được nhiều đối tượng, đối với các thứ kinh điển không chỗ nào là không thông tỏ, tiếng tăm được bàn tán khắp trong ngoài triều, thấu đến tai Đức Thế Tôn. Người theo phái lõa hình kia có bốn chị em do Phạm chí sinh, đều theo học các phái ngoại đạo: Một tên là Thao Than, hai là Hưng Tham, ba là Kim Thành, bốn là Thành Tuyết. Lõa Hình Tử sai bốn người này đến chỗ Đức Phật, muốn dò xét Đức Thế Tôn nên hắn buộc họ phải tiếp nhận các phép tắc, cùng học kinh điển để sau này về nói lại cho hắn. Lúc ấy, bốn chị em bàn với nhau: –Chúng ta đến chỗ ông Sa-môn Cù-đàm để dò xét về những hành động, cách thức sinh hoạt tu học, cố nắm lấy chỗ sở trường, sở đoản của ông ấy. Bàn xong, họ liền đến chỗ Đức Phật, lìa bỏ gia đình, thảy đều xin làm Sa-môn, thọ giới pháp đầy đủ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn thường lấy các việc đời trước để dẫn dụ nhằm khai thị giáo hóa họ, chỉ rõ cội nguồn, chỗ các căn phải theo cùng gốc của mọi công đức, nhờ đó họ dứt bỏ hết mọi thái độ cao ngạo, kiêu mạn, chứng được quả A-la-hán. Khi ông Lõa Hình Tử hỏi các chị em về công việc dò xét ra sao thì những người con gái ấy đã dùng không biết bao nhiêu lời hay tốt để tán thán Đức Thế Tôn, ca ngợi sự nhiệm mầu không gì hơn của kinh điển và giới luật do Phật dạy. Lõa Hình Tử chẳng chịu nghe lời tán thán của họ. Hắn nói: –Nhiệm vụ của các ngươi đến đó là để dò xét và làm rối loạn đạo pháp, nay thì ngược lại, các ngươi đã bị ông Thế Tôn thu phục làm cho mê hoặc, bị lừa dối rồi! Ví như có người vào trong nước nhằm để rửa bỏ mọi thứ dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ, nhưng trái lại thì bị chết chìm trong ấy. Các ngươi là như vậy đó! Muốn đến dò xét để hủy hoại ý đạo, xem xét mọi hành động, cách sinh hoạt để nắm lấy cái sở trường, sở đoản của họ, ngược lại, các ngươi đã bị ông Cù-đàm mê hoặc, tự đắm chìm để chết trong ấy, không thể cứu được nữa rồi! Ví như có người đi vào rừng cây trái, muốn hái được nhiều quả ngon,

nhưng lại bị các loài thú dữ như cọp, sói ăn thịt mất xác chẳng còn trở về. Các ngươi cũng thế! Các ngươi đến đó là nhằm dò xét ông Sa-môn Cù-đàm, nắm lấy phép tắc, mọi sinh hoạt, cái hay cái kém để về nói lại với ta, nhưng trái lại thì bị chìm ngập trong ấy, bị ông Cù-đàm mê hoặc. Ví như đối với loài rắn hổ mang, trùng độc hoặc người hung hãn hãy còn có thể gần gũi, tin tưởng, vui thích, có thể có được các phép tốt lành, yên ổn, chứ còn đối với ông Thế

Tôn Cù-đàm thì mong cầu có được công đức ấy tức ý nghĩa của sự yên ổn thì chắc chắn là không thể được! Các người con gái đáp: –Đạo đức của Đấng Thế Tôn trừ khử được cho con người các độc hại của loài rắn dữ, các thứ lỗi lầm, ô uế, khiến cho mọi người đạt được yên ổn, tịch tĩnh. Hư không còn có thể có tỳ vết, chứ Đức Như Lai Thế Tôn thì chưa từng có chút thiếu sót, sai lầm. Nam nữ, ai được nhìn thấy Ngài không ai là không được yên vui. Ngài đã vì chúng tôi mà thuyết giảng những ý nghĩa mầu nhiệm, tuyên dương đạo pháp khiến chúng tôi rất vui mừng, nên cung kính đảnh lễ xin quy y. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo Tăng thưa bày đầy đủ với Đức Phật: –Thưa Đức Thế Tôn, chúng con thấy ông ngoại đạo Lõa Hình Tử dùng những lời không tốt để bài báng đạo giáo của Đức Phật, lại quở trách những người con gái kia: Nào là tại sao các ngươi lại quy mạng ông Thế Tôn, nào là các ngươi phải quan sát mọi sinh hoạt ở đấy, phải nắm lấy chỗ mạnh, chỗ yếu của Phật để báo lại cho ta biết, nào là các ngươi trái lại đã bị mê hoặc, đã bị chết chìm trong ấy không thể tự cứu được... Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Lõa Hình Tử sai bốn người có gái ấy đến là nhằm dò xét Ta, muốn nắm lấy chỗ hơn kém của Ta. Nhưng Ta không chút tỳ vết thì tìm đâu ra khuyết điểm. Ta nhân đấy liền khai thị giáo hóa cho, khiến cả bốn người đều được độ, chứng được đạo quả Vô trước. Đức Phật kể: –Về đời xa xưa, có một vị quốc vương tên là Ca-lân cùng một vị quốc vương khác kết oán thù với nhau. Muốn phá hoại vị quốc vương kia nên vua Ca-lân sai bốn người con gái trẻ trung, diễm lệ, nhan sắc tuyệt vời đến thăm dò để nắm lấy chỗ mạnh, chỗ yếu của nhà vua ấy, ngầm làm giặc bên trong. Đám nữ đó đến chỗ vua A-chi và được vua chấp thuận. Vua A-chi có bà Thái hậu đáng kính, đoan chánh, đẹp đẽ, ai cũng tôn quý, uy thần lồng lộng, phước đức thù thắng vô lượng, không có chút tỳ vết, nhơ uế, nhu hòa hiền hậu, tiếng lành vang xa. Các con gái của vua Ca-lân ca ngợi: –Công đức của vua A-chi thật trên đời hiếm có, danh tiếng đồn xa, tám phương, trên dưới đâu đâu cũng vang dậy. Phụ vương chúng tôi húy là Ca-lân, cùng sai chúng tôi đến để hầu hạ, phụng sự đại vương. Phụ vương chúng tôi dặn: “Đức độ của vua A-chi thù thắng, vi diệu, khó nghĩ kịp, không có vết nhơ, hiền hậu, không hung bạo, nhẫn nhục, trong lành, đặc biệt có tài biện luận với mọi người, nghe đến tên vua thì ai cũng bái phục”, nhưng cha chúng tôi chẳng chịu nghe lời. Có nước kia thuộc dưới quyền của vua A-chi, là một nước lớn, tên nước là Hư không, nước này có một vị đại thần tên là Tế-na, trí tuệ thông minh, thông đạt không ai bì kịp, ứng đối nhanh nhẹn, làm phụ thần cho vua. Khi đó, vua Ca-lân không nghe theo lời các con gái, bỏ đến thẳng biên giới nước lớn của đại thần Tế-na, cùng với cả đoàn người vây chung quanh. Nhà vua hỏi kẻ bề tôi bên cạnh: –Ta tự mở cửa ra đi đến cửa của kẻ khác, vậy thì phải làm sao đây? Kẻ bề tôi bên cạnh tâu: –Không nên sợ hãi, Thiên tử cứ yên tâm! Ví như sư tử trong rừng chẳng hề sợ cây cối, nay ta ở đây cũng lại như vậy. Thành quách yên ổn, được bảo vệ kỹ, khỏi phải lo

lắng gì cả. Rồi làm bài kệ: Tự mở cửa nước nhà Vào đất nước người ta

Dựa A-lan nước lớn
Như sư tử rừng già.
Muốn giúp mà được giúp
Tự nhiên không sợ gì
Hân Dũng, quốc vương ấy
Được yên ổn dài lâu.

Mọi người tha hồ bàn luận, lời nói lan đi khắp nơi. Vua A-chi nghe vua Ca-lân vì của cải và tiếng tăm mà khởi ý đến đó, nên than:

Việc này rất tốt
Mầu nhiệm khó lường
Danh đức lưu khắp
Không còn tai ương.
An trụ nơi pháp
Không nên phô trương
Tất có điều gian!

Lại tự hỏi:

–Nay đây các vị Tiên nhân, các vị Thần của Thiên đế đều du hành đến cõi nước của vua Ca-lân. Các vị ấy uy thần lớn lao, nên biết được đức hạnh của ta, nhất định phải cho ta thắng lợi, còn vua Ca-lân kia thì bị phá bỏ, phải tự hàng phục.

Lúc ấy, vua A-chi tự nghĩ: “Các vị Tiên nhân kia trước sau chẳng hề nói dối. Chư Tiên nhân nói rằng ta sẽ đạt được thắng lợi, công đức ấy thật là vô lượng, chắc chắn là như thế đấy.”

Các bề tôi đáp:

–Thưa vâng, đại vương! Tiên nhân là người chí thành nhất định không nói dối.

Và đọc bài kệ:

Đám Ca-lân đắc thắng
Hàng phục dựa vào đây
Vua A-chi thất thế
Tiên lại nói thế này.
A-chi thắng, không mất
Lời chân thực, hay thay!
Tại sao nói được vậy
Tự nhiên lời nêu bày.
Vua Trời phải biết đó
Lời chí thành đến đây
Hành động không phóng túng
Thắng lợi phải được thôi.

Lại nói vua A-chi

Thắng lợi phải đến tay
Chí thành thế do đâu
Lại vì ta giải ngay.
Các đại thần đáp:
–Chưa từng được nghe hay sao, các vị Tiên nhân mất Thánh đức, rất là cứng cỏi khó cảm hóa, tay cầm kiếm bén, dáng dấp thật đáng sợ. Bậc nam tử trượng phu, chính vì dân chúng nương theo gốc nơi đức độ của nhà vua mà quyết làm cho đối phương hàng phục,
không dùng nhiều lời mà chúng tự quay về nẻo chánh. Vua A-chi ấy là một vị đại trượng phu, mọi phương tiện kế hoạch trù liệu cũng lại như vậy. Hơn nữa, quyến thuộc của nhà vua luôn hòa thuận, vâng lời chỉ dạy, không có khác lòng, không có tâm chia rẽ, những việc làm đều cao cả, uy đức lồng lộng. Giá như vua A-chi không được thắng lợi, thì nay xin vua trời hãy tận mắt nhìn thấy nhà vua dũng mãnh, kế sách phương tiện quyền biến hơn người, nhất định không thể bị phá hoại được. Ví thử không tin, thì khi đã tận mắt thấy rõ sẽ không còn nghi ngờ gì. Bèn đọc bài kệ khen: Kế sách rất cao thâm Biết thì tinh tấn thêm A-chi vang đức nhẫn Hóa giải các giận hờn Vua A-chi được hết Ca-lân làm sao bằng. Bấy giờ, vua Ca-lân chẳng hề tuyên chiến, tự dấy khởi binh tướng kéo thẳng đến nước vua A-chi, thì binh sĩ của Hân Dũng, là vị đại thần phụ tá, vốn thông minh trí tuệ, dũng mãnh tinh tấn, lòng dạ cao cả, hòa hợp không hề chia rẽ. Hơn nữa, bản thân vua A-chi cũng dũng mãnh hơn người, đó là sức mạnh thần thánh, nên nhất định phải thắng vua Ca-lân. Vua Ca-lân chịu phục, tự quy mạng bái yết, thả hết những người đã bắt sống được. Khi ấy, trời Đế Thích đọc kệ khen: Nhẫn nhục Thánh hiền khen Hóa giải mọi giận hờn Vua Ca-lân quy phục A-chi thắng hoàn toàn. Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo: –Nên biết vua Ca-lân lúc ấy nay là ông Thẩm Lõa Hình Tử, vua A-chi là bản thân Ta, đại thần Hân Dũng nay là Tôn giả Xá-lợi-phất, Đế Thích là Tôn giả A-nan. Thời ấy theo nhau kết làm bạn bè, giáo hóa đạo lý cho nhau, đến hôm nay cũng vậy. Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 28: Đức Phật Thuyết Giảng Về Sứ Giả Của Cái Bụng.

Tôi nghe như vầy: Một thuở Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ, lúa gạo của nước này giá cả tăng vọt, dân chúng đói khát, các vị Tỳ-kheo của Đức Phật muốn phân tán ra đi du hóa đến các nước khác để an cư. Hiền giả A-nan là bậc nghe rộng biết nhiều, đối với giáo pháp luôn tận lực lãnh hội, có biện tài vô ngại. Khi Đức Phật thuyết giảng kinh, Hiền giả A-nan đã giúp rất nhiều người thọ nhận ý nghĩa của kinh điển, tinh tấn không ai bì kịp. Khi ấy Hiền giả A-nan tự nghĩ: “Giá như Đức Thế Tôn đến một nước nào đó để có cuộc sống an ổn thì ở khu vực khác sẽ có vô số người mất đi chỗ nương tựa của đạo đức, mặc dù các vật dụng sinh hoạt thì không hề thiếu thốn. Còn nếu Đức Như Lai lại dừng ở nước Xá-vệ này an cư trong năm, thì nhiều chỗ được an ổn, tạo nên cái gốc cho đạo đức.” Lúc ấy Đức Thế Tôn vì thương xót muôn dân, muốn cứu giúp họ, nên Ngài quyết định ở lại thành Xá-vệ với vua Ba-tư-nặc, quần thần

và dân chúng. Hiền giả A-nan đến chỗ quốc vương trình bày đầu đuôi sự việc ấy. Vua Ba-tư-nặc nghe lời của Hiền giả A-nan, nên thỉnh Phật và đại chúng Tỳ-kheo ở lại đây ba tháng, bao nhiêu món ăn thức uống nhà vua đều lo đầy đủ, bệnh hoạn thì cung cấp thuốc men, tùy theo nhu cầu tất cả mọi thứ, mọi chỗ đều an lành. Đức Phật và các vị Tỳ-kheo an cư tại thành Xá-vệ trong ba tháng như thế không hề thiếu thốn. Các vị Tỳ-kheo trong lòng tự nghĩ: "Công đức của Hiền giả A-nan khó ai bì kịp, làm được việc chưa từng có, hành động quyền biến, biết được thời cơ, hiểu rõ lý luận, khuyến hóa được vua Ba-tư-nặc cúng dường Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo trong mùa an cư ba tháng được yên ổn, khiến trong chín mươi ngày ấy, đại chúng Tỳ-kheo không có gì phải suy nghĩ, tất cả đều được bảo vệ và cung cấp đầy đủ, nhờ đó các Tỳ-kheo ai cũng được yên tâm tu học, không phải du hóa tới các nước khác." Đức Phật biết rõ là các Tỳ-kheo đang bàn luận về việc này, nên đi đến chỗ các vị Tỳ- kheo và hỏi: –Các ông đang hướng về ai mà bàn bạc như vậy? Đại chúng Tỳ-kheo liền đem đầy đủ sự việc trình bày với Đức Như Lai. Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo: –Hiền giả A-nan không phải chỉ mỗi đời này mới hành động quyền biến, nắm lấy thời cơ, mà đời trước cũng đã từng làm như thế. Đức Phật kể: –Vào đời quá khứ xa xưa, ở nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm Đạt, là bậc có phước đức lớn, tiếng tốt đồn xa. Bấy giờ trong nước gặp lúc đói kém, giá lúa gạo đắt đỏ, dân chúng đói khát, kẻ ăn xin rất nhiều, không lấy gì để cung cấp cho đủ. Nhà vua vui lòng làm công việc bố thí, tức thì mười phương, bốn hướng tụ lại để xin đông nhiều như mây nổi, nhà vua cứ theo mức độ tiêu dùng mà cung cấp. Bố thí như vậy liên tục không hề dừng nghỉ. Lúa gạo dần dà trở nên quý hiếm, trời lại chuyển sang nắng hạn dữ dội, không một giọt mưa rơi, mùa màng mất trắng, dân chúng đói khát khốn cùng, kẻ ăn xin ngày càng nhiều thêm. Họ kéo nhau đến trước cung vua, ở đây kho lẫm cũng sạch trơn. Lúc ấy, các quan lại đều bàn với nhau: –Nay theo ý của quốc vương, thì kẻ ăn xin nào đến là phải bố thí cho họ, không để họ phải nản lòng. Nhưng trời hạn hán chẳng mưa, kẻ ăn xin thì quá nhiều, lúa gạo thì khan hiếm mà kho lẫm thì lại trống rỗng, đất nước sắp đến lúc bại hoại chăng! Thế rồi, các đại thần vì muốn bảo vệ đất nước, nên cùng đến chỗ nhà vua tâu trình đầy

đủ lời mình vừa bàn trên: –Việc bố thí của vua bây giờ xin hãy ngừng lại, dựa vào một số biện pháp để giữ trật tự, đợi sau này được mùa, lúc ấy mới bố thí tiếp. Nhà vua bảo: –Việc bố thí của ta không thể dừng lại được. Ta đã có chí nguyện bố thí, sao lại làm trái với bản tâm của ta được. Hơn nữa, họ đến đây để xin ăn, sao nỡ khiến họ thất vọng? Nếu như không có người đến xin thì ta bố thí cho ai? Các đại thần cùng bàn với nhau: –Chúng ta phải cùng nhau tìm ra kế sách, làm cho các người nghèo không còn đến xin nữa, thì mới chấm dứt được tình trạng này. Trong khi đó thì nhà vua vẫn tiếp tục bố thí, chưa từng chậm trễ, trong lòng tự nguyện: "Mong sao cho các kho chứa lúa gạo không bị hao hụt." Cùng lúc, các quan pháp minh yết cáo, thông báo cho các nơi xa gần biết là không được đến chỗ nhà vua xin ăn, kẻ nào dám đến xin thì đều bị tội chết, thây đem bêu giữa chợ. Hành khất các nơi xa đến nước này, nghe được thông báo như thế nên chẳng dám đi xin ăn nữa. Không được gặp nhà vua, họ càng ưu sầu, buồn thảm, hỏi các vị đại thần xem đúng là có lệnh này không. Lại hỏi cha mẹ, thật có lệnh cấp bách không được đi xin ăn chăng? Đáp rằng: –Có đấy! Chẳng được đi xin ăn. Những

người đi xin lại nói: –Nếu có lệnh đến những phương xa, thì phải có các quan sứ. Hiện khắp nơi, khắp chốn các kho lúa, lương thực đều đủ cả. Nay các quan trong triều này như muốn chỉ để riêng mình tiêu dùng, nên ban ra lệnh ác bảo các nơi xa, những người đi xin ăn nghèo cùng không được đến cửa vua để xin ăn, nếu ai liều đi xin thì phải tội chết. Tuy vậy, các người sứ từ phương xa đến đều thấy các kho lẫm đều còn đầy. Lời nói lần lượt truyền nhau nên mọi người đều biết đây là lệnh của các quan trong triều đề ra chứ không phải là nhà vua. Có một vị Phạm chí đói khổ đã lâu, muốn đi xin ăn để cứu mạng sống mình. Ông đi khắp nơi xin ăn để còn chu cấp cho vợ con, giá như vào lúc giá gạo rẻ, xin ăn dễ, được nhiều, còn khi lúa gạo khan hiếm, xin ăn khó được, phải chạy ngược xuôi khắp nơi, không chỗ nào là không tìm đến mà cũng chỉ vừa đủ nuôi mạng sống, lòng ông lo lắng chẳng nói nên lời. Vợ ông lúc đó nói với ông: –Ông thật khổ nhọc, đi xin ăn gặp lúc gay go, không chỗ nào là không đến xin vậy mà chẳng được gì. Sao không tới chỗ vua mà xin ăn, nghe nói quốc vương ta mong muốn có người đến xin, không hề trái ý người xin bao giờ. Vị Phạm chí đáp lời vợ: –Bà chẳng nghe hay sao? Quốc vương đã có lệnh không cho người đến cửa vua xin ăn nữa. Tuy các người sứ ở phương xa đến đều được thấy rõ là lúa gạo trong kho còn đủ để cấp thí, những ai đi xin thì liền bị chém đầu. Vị Phạm chí nói tiếp: –Thân tôi hôm nay muốn được bình an chứ không muốn bị nguy hại. Còn nếu muốn mong chờ nơi nhà vua thì có thể lại bị hủy nhục đấy! Vợ ông đáp: –Như các quan lại trong triều thông báo cho các nơi xa được biết, vậy chỉ có những

người ở xa mới được tới trước, còn các người khác thì không cho. Sao ông không tự nói rằng mình từ phương xa đến, muốn được gặp vua để tâu trình, có thể được miếng ăn đấy.

Bấy giờ, vị Phạm chí nghe theo lời vợ, cầm gậy, đội mũ của quan phụng sứ, đến thẳng cửa cung vua. Quan giữ cửa hỏi:

–Ông ở đâu đến đây?

Đáp:

–Tôi là phụng sứ từ xa đến.

Quan phụng sứ vào tâu với vua rõ đầu đuôi về người ấy, tức thì trở ra hỏi rất rõ:

–Ông từ chốn nào đến, hiện nay cả mười sáu nước lúa gạo đều khan hiếm, nước nào cũng lo giữ biên giới của mình làm sao mà đến, từ nước nào mà đến được?

Quan giữ cửa đã hỏi đầy đủ như thế. Người Phạm chí đáp:

–Được nghe và khâm phục đức hạnh của nhà vua, nên mặc kiểu phụng sứ mà đến.

Quan giữ cửa lại hỏi:

–Ở biên giới nước này có thể nghe được nước kia sao?

Đáp:

–Làng xóm thành ấp thì có thể biết được đầy đủ. Giả sử chỉ vì mình thôi thì xin nguyện vua Trời, một mình cầu xin kiếm ăn là đủ rồi. Tôi muốn gặp được vua nên đến đây để cầu kiến.

Quan giữ cửa hỏi nữa, ông cũng đáp như vậy. Nhà vua cho gặp, vị Phạm chí liền vào.

Vua hỏi ông:

–Vì ai mà phụng sứ đến đây?
Vị Phạm chí thưa:
–Cầu xin không sợ hãi, như ngài chịu hứa nghe thì mới dám tâu vua chỗ sai đến.
Nhà vua bảo:
–Hãy nói rõ nguồn cơn, đừng sợ hãi.
Nhà vua lại hỏi:
–Ai là người sai ông đến đây?
Vị Phạm chí tâu:
–Đại vương muốn biết chăng? Chính bụng dạ tôi sai đến.
Khi ấy, vị Phạm chí liền nói kệ:
Mọi người cầu tài lợi
Gặp giặc giữ, oán hờn
Ta bị bụng sai đến
Xin vua tha cho thần.
Ai thế lực lớn nhất
Ai kia cao cả hơn
Tôi thật là phúc sứ (Sứ giả của cái bụng)
Vua chớ trách tội thần.
Chư Phật và Duyên giác
Các đệ tử Thánh nhân
Rời bỏ nơi tịch tĩnh
Vào thành thị xin ăn.
Cùng khốn không chỗ dựa
Thân sống gặp khổ nạn
Nay tôi làm phúc sứ
Xin tha, hỡi tôn nhân! Vua nghe rất thương xót ông, dùng kệ đáp: Phạm chí, ta cho ngươi Trâu cái năm trăm đôi Cùng nghé con đầy đủ Đâu thể không cho ngươi. Ta vì các sứ giả Cấp cho chỗ nghèo thôi Vì sứ giả, làm sứ Cho thêm không sợ gì. Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết: –Ông Phạm chí lúc đó nay là Hiền giả A-nan, vua Phạm Đạt nay là vua Ba-tư-nặc. Thời ấy Hiền giả A-nan đã khai thị giáo hóa khiến nhà vua rất vui mừng, kính ngưỡng vô cùng. Đến bây giờ đây, tại nước này, Hiền giả A-nan lại nêu bày chỉ dẫn cho vua Ba-tư-nặc, mặc dù lúa gạo khan hiếm, mà nhà vua vẫn cúng dường cho Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳkheo trong ba tháng, không có chỗ nào thiếu thốn. Vậy cho nên các vị Tỳ-kheo phải học hỏi thực hiện các lời nói hiền lành, dịu dàng, hòa ái, phải lựa lời khéo léo làm câu phương tiện giáo hóa. Đó là lời dạy của chư Phật. Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 29: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Người Đệ Tử Qua Đời.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc ấy, một vị Tỳ-kheo có một người đệ tử tánh tình hiền hậu, công đức thù thắng, ý chí hành động luôn đúng nẻo nhân từ đức độ, tâm dốc cầu sự an tịnh, bản thân thường theo hầu hạ vị Hòa thượng, trong các lúc hành hóa hay nghỉ ngơi, luôn cung kính thuận hợp, tinh tấn không ai bì kịp, thuận theo giáo pháp, chẳng hề dám trái mạng thầy. Do vì mạng ngắn, bởi vì đời trước đã gieo thiếu nhân lành nên thọ mạng mỏng ít, còn tuổi ấu thơ mà đã qua đời, liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Vừa sinh lên cõi Trời, ông đã quan sát nhận thấy ở cõi này cũng không có gì là bền vững lâu dài, chỉ thấy lửa đang cháy to, nên ông thầm nghĩ: “Ta vốn có sở nguyện nhưng không được như ý, chẳng đạt được cứu cánh, cùng với thầy lành bạn tốt không thể giữ nhau được, nay lại phải bỏ đi để theo bạn xấu. Như thế là đã xa rời các bậc Hòa thượng chí tôn, bậc A-di-lê và các bạn lành khác, như những người tu phạm hạnh, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, bốn chúng đệ tử của Phật. Đức Phật Thế Tôn trí tuệ vô biên, hiểu biết tất cả, hiệu là Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay đã xa rời bậc Đại Thánh Thế Tôn ấy, các bậc Hòa thượng, thầy, bạn và các đồng học mà từ vô số kiếp rất khó gặp, khó thấy, cho dù cùng sinh ra ở thế gian này cũng chẳng thể gặp được. Cũng không thể được nghe thuyết giảng các kinh điển thâm diệu, sâu xa vô lượng mà ta chưa từng nghĩ đến. Miệng Ngài không phát ra lời mà làm cho mọi người được yên ổn, để cùng được dẫn dắt, giáo hóa, dùng trí tuệ phân biệt để thuyết giảng các pháp duyên khởi, mỗi mỗi đều giải rõ. Ta từ vô số kiếp,

vốn đã gieo nhân nên những chỗ chưa được nghe, thấy, rốt cuộc đều được giải rõ. Ta may mắn được gặp vị Hòa thượng nên đã lãnh hội được kinh điển giới luật ấy, bỏ nhà xuất gia làm Sa-môn, chẳng đến được chỗ siêu việt khác thường, như vậy những điều ta phải tạo dựng chẳng đến nơi đến chốn. Nay ta há lại phải buông thả các hành động của mình sao? Nay ta nên trước đến chỗ Đức Thế Tôn trọn lòng học hỏi nghĩa lý kinh điển thì sẽ tự hiểu được cái nợ kiếp trước mà cảm thương cho thân phận của mình.” Rồi ngay đêm ấy, bằng oai thần chói lọi, sáng chiếu rất xa, ông đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Đức Phật biết được lòng ông chân chánh thuần thục, vui thích đạo pháp, nên Ngài thuyết giảng về Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Ông liền ngộ được diệu nghĩa của bốn chân lý. Lúc ấy, Đức Thế Tôn dựa vào căn gốc để phân tích cho ông hiểu. Ông chứng được đạo quả, vui mừng hớn hở, thọ trì giới luật, cúi đầu đảnh lễ, đi quanh Đức Phật ba vòng, rồi bỗng nhiên biến mất. Trong khi đó, lòng vị Hòa thượng nghĩ đến tánh hạnh, công đức của người đệ tử mà thương cảm, kết thành ưu sầu, rơi nước mắt như mưa, không thể tự giải tỏa được. Tất cả những lời khuyên giải chung quanh đều không thể làm nguôi được mối ưu tư ấy. Khi đó, các vị Tỳ-kheo bèn đến trình bày với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo: –Này ông Tỳ-kheo, lại Ta hỏi đây! Vì sao ông sầu não, không thể tự giải tỏa được? Vị Tỳ-kheo ấy thưa: –Thưa Đức Thế Tôn, người đệ tử của con rất là lương thiện, đàng hoàng, hiền lành, nhân đức, ôn hòa, danh tiếng đạo đức khó lường, chưa đạt được cứu cánh, nửa chừng mạng yểu, do đó con buồn lo, cứ mãi chất chứa. Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo: –Chớ nên mãi buồn lo! Vì sao như vậy? Vì người đệ tử của ông đã đạt đến cứu cánh rồi! Ông ấy được sinh lên cõi

trời, nửa đêm hôm nay đã đến chỗ Phật, uy thần lồng lộng, hào quang chiếu sáng rất xa, cúi đầu làm lễ và đứng sang một bên. Ta đã vì vị Thiên tử ấy mà thuyết giảng kinh pháp, phân tích đầy đủ, rộng rãi về Tứ diệu đế, bấy giờ, vị Thiên tử ngay nơi tòa ngồi đã thành tựu được pháp Thánh cao tột. Đức Phật vì vị Tỳ-kheo ấy nói rõ đầu đuôi, khiến ông tức thời hoan hỷ, dứt hết mọi nỗi buồn lo, chẳng còn rơi lệ. Khi Đức Thế Tôn giảng dạy cho vị Tỳ-kheo kia dứt trừ bao mối lo lắng sầu não, thì các vị Tỳ-kheo khác tâm niệm: –Chúng ta đã được chứng kiến một việc chưa từng có, Đức Đại Thánh Thế Tôn đã dùng pháp dược vô thượng để trị lành hẳn bệnh sầu não của vị Tỳ-kheo ấy. Do người đệ tử của ông ta bị bệnh qua đời, ông đau buồn sầu não không thể giải được, gặp Đức Phật Thế Tôn thì các khổ hoạn kia đều tiêu trừ hết. Quả là Bậc Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên dù đến hàng vạn kiếp ca ngợi công đức của Phật cũng không thể hết được! Đức Phật từ xa biết các vị Tỳ-kheo đang bàn luận như thế, liền đi đến hỏi: –Các ông tụ hội bàn bạc chuyện gì vậy? Các vị Tỳ-kheo thưa với Đức Phật: –Thưa Thế Tôn, chúng con hội họp lại đây để ca ngợi công đức của Đức Phật là Bậc Thánh tôn quý thật không lường, Phật đã hóa độ cho những người chưa được độ, cứu giúp những ai chưa giải thoát, diệt trừ những gì chưa được dứt trừ, trị liệu tất cả những bệnh tham dâm, giận dữ, si mê, là vị thầy thuốc vô thượng, dùng các pháp dược để trị các thứ tâm bệnh, như vừa trị tuyệt được nỗi âu lo buồn khổ của vị Tỳ-kheo, khiến vị ấy vui mừng hớn hở, không thể tự kiềm chế được.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: –Các vị có biết vì sao ngày nay vị Tỳ-kheo ấy thấy đệ tử mình qua đời mà cảm động, kết thành ưu sầu, chẳng thể tự giải không? Chỉ riêng có Phật Thế Tôn mới biết được túc mạng đời trước của hai người này, cũng lại như vậy. Đức Phật kể: –Về quá khứ xa xưa, ở một nơi chốn vắng vẻ nọ, có một con voi mẹ sinh con, voi con ra đời chưa bao lâu thì voi mẹ chết. Cách chỗ ấy không xa là chỗ ở của một Tiên nhân, là bậc đầy đủ oai thần, công đức, luôn có tâm đại bi thương xót muôn loài, xa thấy voi con mất mẹ, vừa cử động chân bước chập chững đây đó, không thể tự sống được. Ông liền tìm cách cứu giúp, đi đến chỗ voi con, lấy nước cho uống, hái quả cho nó ăn. Khi ấy, voi con dần dà trở nên nhân hòa, hiền lành, công đức thù thắng, vui cùng nghĩa lý, muốn được an ổn, không có âu lo, dứt hết các phiền não. Bấy giờ, vị Tiên nhân cùng chung sống với voi, thân hình nó phát triển lớn dần, lông lá mượt mà thì biết đem nước ngọt, trái cây ngon cúng dường vị Tiên nhân trước, rồi mới ăn sau, tới lui ân cần, hầu hạ, phụng sự không hề trễ nãi, khiến vị Tiên nhân rất thương xót voi con, thấy đức hạnh nó như vậy nên ông thương yêu nó như con, ngắm nhìn nó không chán, yêu quý vô hạn. Lúc đó, trời Đế Thích có ý nghĩ: “Vị Tiên nhân này tâm ý đều đặt ở con voi con, luôn nghĩ đến nó không hề chán, nay ta có thể làm mất voi con đi khiến ông ấy phải buồn rầu khổ não.” Thế là trời Đế Thích thị hiện thi hành việc đó, hóa phép khiến con voi con đột nhiên lăn ra chết, máu loang đầy đất. Vị Tiên nhân thấy con voi con chết thì ưu sầu không nói năng, rơi lệ ngắn dài không thể khuây giải được. Các vị Tiên nhân khác biết việc đều tới khuyên can, nhưng không thể dứt được mối ưu sầu của vị Tiên nhân ấy, ông lại chẳng chịu ăn uống gì cả. Khi ấy, trời Đế Thích đang ở giữa hư không, liền vì vị Tiên nhân mà nói kệ: Hiền giả đã bỏ nhà Đến đây không quyến thuộc Các Tiên giữ pháp luật Buồn chết không tốt đâu. Giả sử buồn âu sầu Khiến chết

sống lại được Thì họp lại thương khóc Nhưng khóc không tái sinh. Quen rồi đều lặng thinh Để cùng voi con trọn Chút ân cần lân mẫn Không thể không buồn rầu. Còn khóc đến chết theo Kìa có người khóc đó Người trí biết tự chế Sao Tiên lại khóc thương! Trời Đế Thích làm cho vị Tiên nhân kia sầu não rồi, liền khiến voi con sống lại như cũ. Khi ấy, vị Tiên nhân thấy voi con sống lại, nên vô cùng hớn hở, vui mừng hết mực, không còn ưu sầu nữa. Trời Đế Thích liền vì vị Tiên nhân nói bài tụng: Đánh tan sầu cho ông Sầu thương chất đầy lòng Nay Hiền giả hết nạn

Buồn thương con trừ xong.
Nay đã lìa sầu não
Và thân thuộc đủ đông
Ông hôm nay vui vẻ
Nhìn voi sống thong dong.
Trời Đế Thích lại nói kệ tiếp:
Ta cảm thương cho ông
Muốn trừ nỗi đau lòng
Nên bày nhân duyên ấy
Thêm lợi cõi bụi hồng.
Người sáng hiểu rõ đấy
Ân ái sinh khổ lòng
Trong ngoài quan sát kỹ
Muốn được biến hóa thông.
Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:
–Vị Tiên nhân thời ấy nay là vị Hòa thượng đó, con voi con là người đệ tử, còn trời Đế Thích chính là thân Ta, ngày đó gặp nhau, bây giờ cũng thế.
Đức Phật nêu giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.